

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

PHẠM THANH HẢI

**“NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT MỘT SỐ
NGUYÊN TẮC VÀ GIẢI PHÁP ĐỒNG QUẢN LÝ RỪNG
TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN
ĐỒNG SƠN- KỶ THƯỢNG, HOÀNH BỒ, QUẢNG NINH.”**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LÂM NGHIỆP

Thái Nguyên- 2012

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

PHẠM THANH HẢI

**“NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT MỘT SỐ
NGUYÊN TẮC VÀ GIẢI PHÁP ĐỒNG QUẢN LÝ RỪNG
TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN
ĐỒNG SƠN- KỶ THƯỢNG, HOÀNH BỒ, QUẢNG NINH.”**

Chuyên ngành: lâm học

Mã số: 60.62.60

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LÂM NGHIỆP

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. VŨ NHÂM

Thái Nguyên- 2012

MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài

Không thể phủ nhận vai trò quan trọng của Rừng trong đời sống của con người, không chỉ bởi các giá trị của chúng đối với môi trường sinh thái mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn sống của con người, đặc biệt là những người dân sống gần rừng và sống phụ thuộc vào rừng. Rừng là nơi cung cấp các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ cho việc xây dựng nhà cửa, tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm, nguồn dược liệu cho người dân trong cuộc sống hằng ngày.

Trước tình hình hiện nay, song song với sự phát triển của nền kinh tế, nền công nghiệp,...là sự suy giảm một cách nghiêm trọng các nguồn tài nguyên thiên nhiên do sự tàn phá của con người bằng cách này hay cách khác. Đặc biệt là sự suy giảm đa dạng sinh học, suy giảm tài nguyên rừng đã, đang và sẽ mang lại những ảnh hưởng to lớn theo hướng tiêu cực đến đời sống của con người, đến sản xuất nông lâm nghiệp....mà chúng ta ai cũng biết: biến đổi khí hậu rõ rệt những năm qua, lũ lụt hạn hán, thiên tai động đất ngày càng nhiều và thường xuyên hơn. Việt Nam và cả thế giới đang cùng nhau chung tay để đưa ra các giải pháp để có thể bảo vệ nguồn tài nguyên rừng. Các cuộc họp, các cuộc thảo luận, các cuộc hội đàm, các nghiên cứu, các dự án,...của các nước, các ban ngành, các cá nhân...vẫn thường xuyên được tổ chức, được nghiên cứu, được diễn ra nhằm đưa ra các chính sách, các giải pháp để cứu vãn tình thế. Để có thể bảo tồn, giữ gìn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là nguồn tài nguyên rừng, để đảm bảo chất lượng môi trường cuộc sống. Từ đó nhu cầu phải thành lập các vườn quốc gia, các khu bảo tồn, các khu dự trữ sinh quyển....cũng là một giải pháp hữu hiệu để có thể bảo vệ, bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên rừng tự nhiên hiện còn lại. Giữ gìn cho hiện tại và thế hệ tương lai.

Ở nước ta tính năm 2008, hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam gồm 164 khu rừng đặc dụng với tổng diện tích 2.265.753,88 ha (bao gồm 30 Vườn Quốc gia, 69 khu bảo tồn thiên nhiên (58 Khu dự trữ thiên nhiên và 11 khu bảo tồn loài), 45 khu bảo vệ cảnh quan, 20 khu nghiên cứu thực nghiệm khoa học) và 03 khu bảo tồn

biển chứa đựng các hệ sinh thái, cảnh quan đặc trưng với giá trị đa dạng sinh học tiêu biểu cho hệ sinh thái trên cạn, đất ngập nước và trên biển đã và đang được xây dựng trên khắp các vùng, miền trong cả nước. Đây là những tài sản thiên nhiên quý báu không chỉ có giá trị trước mắt cho thế hệ hôm nay mà còn là di sản của nhân loại mai sau.

Mặc dù vậy thì diện tích rừng và đa dạng sinh học ở nước ta trong những năm qua vẫn đang bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng. Chất lượng và số lượng tài nguyên rừng tại các Khu bảo tồn vẫn chưa thực sự được đảm bảo theo mong muốn đặt ra của các nhà quản lý. Một trong số những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do công tác quản lý rừng chưa được quan tâm đúng mức. Tài nguyên rừng ở nước ta trước đây do Nhà nước quản lý và quyết định mọi phương án quản lý và sử dụng. Một phần diện tích rừng được giao cho các chủ rừng quản lý nhưng lại chưa có những cơ chế hưởng lợi hợp lý giữa các bên tham gia và nhiều khi chính các chủ rừng lại tham gia phá rừng, năng lực quản lý của các cán bộ vẫn còn rất hạn chế.

Để khắc phục tình trạng trên, các ngành, các cấp, các Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đã và đang thay đổi cách tiếp cận trong quản lý tài nguyên rừng, trao đổi kinh nghiệm, hài hòa với những thông lệ, tiêu chí quản lý bảo tồn thiên nhiên quốc tế. Vấn đề quản lý rừng bền vững đang được rất nhiều người quan tâm và quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng đang là một hướng đi có hiệu quả.

Khu BTTN Đồng Sơn- Kỳ Thượng được thành lập theo Quyết định số 440/QĐ-UB, ngày 12 tháng 2 năm 2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Địa bàn trải rộng trên 5 xã Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng, Vũ Oai và Hoà Bình, cách trung tâm thị trấn Trới huyện Hoành Bồ 25km về phía Đông Bắc, cách thành phố Hạ Long 35km. *Đây là khu vực điển hình của hệ sinh thái rừng kín lá rộng thường xanh núi thấp có diện tích rừng tự nhiên tập trung lớn nhất vùng Đông Bắc Việt Nam với nhiều loài động vật, thực vật rừng phong phú.*

Mục tiêu của Khu bảo tồn là:

- Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, quần thể các loài động thực vật quý hiếm, các loài đang bị đe dọa và các loài đặc hữu;
- Phục hồi tái tạo vốn rừng nhằm nâng cao độ che phủ của rừng;
- Phát huy tác dụng phòng hộ môi trường của rừng, đặc biệt là tác dụng giữ đất giữ nước, đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân huyện Hoàn Bồ và thành phố Hạ Long.

Trước khi Khu bảo tồn được thành lập, khu vực này thuộc sự quản lý của Lâm trường Hoàn Bồ và địa phương. Từ khi được thành lập đến nay Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã phối hợp với các nhà khoa học trong nước: Trường Đại học khoa học tự nhiên, Viện tài nguyên và sinh vật Hà Nội, cùng các tổ chức Quốc tế Xanh-Pê-Téc-Bua (Nga) điều tra phát hiện nhiều động vật quý hiếm hiện có trong Khu bảo tồn. Kết quả điều tra nghiên cứu ban đầu đã cho thấy Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng hiện có 485 loài thực vật bậc cao có mạch, thuộc 280 chi, 101 họ trong đó có các loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam như: *Giổi bà, Giổi nhung, Giổi thom, Dẻ đen, Lát hoa, Sao hòn gai, Sến mật, Trâm hương, Ba kích...* động vật hiện có 249 loài thuộc 79 họ và 28 bộ của 04 lớp động vật là: thú (58 loài), chim (154) loài, Bò sát và ếch nhái (có 43 loài). Trong 249 loài có 30 loài động vật quý hiếm có tên trong sách đỏ Việt Nam và danh lục đỏ của IUCN (2007) đang bị đe dọa toàn cầu như: *Sơn Dương, Gấu ngựa, Khỉ vàng, Khỉ mặt đỏ, Cáo lửa, Cây gấm, Cây vằn Bắc, Báo lửa, Báo gấm, Báo hoa mai, Mèo gấm, Nai, Hoẵng, Sóc bay lông tai, Sóc bay trâu...* Đặc biệt mới đây (2007) Khu bảo tồn đã phát hiện một loài *Cá cóc bụng hoa*, loài có tên trong sách đỏ Việt Nam và danh lục IUCN năm (2006, 2007). (Theo báo cáo CNA- VCF)

Tuy nhiên, cho đến nay ngoài những nghiên cứu phục vụ cho dự án đề xuất xây dựng Khu Bảo tồn do Viện điều tra quy hoạch thực hiện, những nghiên cứu đánh giá về đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn còn rất hạn chế, cần được nghiên cứu bổ sung.

Việc thành lập Khu BTTN đã làm thay đổi phần lớn cuộc sống của người dân sống trong khu vực vùng đệm. Thực tế cho thấy rằng các cộng đồng ở đây phần lớn là người dân tộc ít người như Dao, Sán Diu,... trình độ dân trí thấp, đời sống còn khó

khăn, chủ yếu là tìm nguồn sinh kế từ rừng của Khu BTTN như khai thác lâm sản, sử dụng đất rừng trồng cây nông nghiệp, lâm nghiệp, bãi chăn thả gia súc,...tạo nên nhiều tiêu cực cho quản lý bảo vệ rừng nhưng vẫn không nâng cao được đời sống của cộng đồng. Những hoạt động này chỉ được xem là cách sinh kế tạm thời, không bền vững.

Việc xây dựng kế hoạch quản lý và hoạt động các khu bảo tồn thiên nhiên vẫn thường được tiếp cận theo kiểu từ trên xuống, ít quan tâm đến người dân sống trong và gần các khu rừng. Điều này vô hình chung đã đặt người dân với vai trò là người ngoài cuộc trong công tác bảo tồn thiên nhiên. Tiềm năng to lớn của người dân về lực lượng về những hiểu biết và kinh nghiệm lâu đời trong quản lý và sử dụng tài nguyên chưa được khai thác ứng dụng. Trong khi đó, bảo tồn thiên nhiên thường mâu thuẫn với những lợi ích của người dân vốn sinh sống phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên rừng. Nhiều nơi, thay vì tham gia quản lý bảo vệ tài nguyên, người dân đã đối đầu với lực lượng quản lý bảo vệ rừng của chính quyền.

Do đó, các câu hỏi được đặt ra là: *“Làm thế nào để nâng cao nội lực của cộng đồng, phát huy những tiềm năng sẵn có và lôi cuốn cộng đồng tham gia vào các hoạt động đồng quản lý bảo vệ tài nguyên rừng vì mục tiêu phát triển bền vững của địa phương”*. Đây là bài toán khó không chỉ đối với những nhà quản lý, các nhà khoa học mà của cả người dân sở tại.

Vì thế, để giảm áp lực đối với các khu rừng bảo tồn thiên nhiên, chia sẻ gánh nặng đối với chính quyền các cấp trong tình trạng trên thì việc tham gia của cộng đồng với vai trò đồng quản lý là giải pháp tốt.

Trên cơ sở thực tiễn và lý luận, cùng với những kiến thức đã học hỏi được từ thầy, cô giáo và đề phần nào trả lời được câu hỏi trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: *“Nghiên cứu, đề xuất một số nguyên tắc và giải pháp đồng quản lý rừng tại Khu BTTN Đồng Sơn- Kỳ Thượng, Hoành Bồ, Quảng Ninh.”*

Ý nghĩa khoa học

Đề tài là công trình đầu tiên tiến hành điều tra, nghiên cứu có tính hệ thống tiềm năng đồng quản lý tài nguyên rừng ở Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng. Các kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở cho việc đề xuất các nguyên tắc và giải pháp đồng quản lý rừng, nhằm góp phần vào công tác quản lý bền vững tài nguyên rừng ở Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng nói riêng và các khu bảo tồn thiên nhiên khác có điều kiện tự nhiên và xã hội tương tự.

Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần làm cơ sở cho việc điều chỉnh các cơ chế chính sách quản lý tài nguyên thiên nhiên tại khu vực nghiên cứu và các vùng lân cận có điều kiện tự nhiên tương tự.

Đề xuất được một số nguyên tắc và giải pháp thực hiện đồng quản lý rừng tại Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Quảng Ninh.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Nhận thức chung về đồng quản lý

Xã hội hiện đại đang phát triển nhanh chóng trong thời gian gần đây về mọi mặt, đặc biệt là dân số. Nhu cầu của con người cũng một ngày càng cao về nguồn lương thực, thực phẩm, chất đốt, dược phẩm, nước uống, quỹ đất cho sản xuất, đi lại và làm nơi cư trú,...điều đó đồng nghĩa với việc tăng sức ép đối với Tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, trong đó có tài nguyên rừng. Trong thời gian qua đã có nhiều tổ chức của chính phủ và phi chính phủ tiến hành nghiên cứu và thực thi các chính sách nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên dưới dạng văn bản luật, tuy nhiên do đặc điểm của từng quốc gia về điều kiện kinh tế- xã hội- văn hóa mà kết quả bảo vệ tài nguyên vẫn còn nhiều mặt hạn chế dẫn đến nhiều diện tích rừng bị tàn phá, nhiều hệ sinh thái bị đe dọa nghiêm trọng, nhiều loài động thực vật bị tuyệt chủng và có nguy cơ tuyệt chủng. Một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả trên chủ yếu do sự phối hợp giữa các thành phần liên quan tài nguyên chưa tốt, còn tồn tại nhiều mâu thuẫn về lợi ích, đây là một trong những mắt xích quan trọng trong để giải quyết vấn đề quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả bền vững. Liên quan đến chủ đề này đã có rất nhiều nhà nghiên cứu và các thành phần liên quan tích cực thực hiện các đề tài nhằm tìm ra câu trả lời cho vấn đề trên trong thời gian gần đây và nhiều tác giả ghi nhận rằng đây có thể hướng giải quyết mang tính chiến lược, tiềm năng cho vấn đề gìn giữ và khai thác các giá trị tài nguyên có sự tham gia, nhằm bảo vệ rừng một cách hiệu quả. Thuật ngữ “Đồng quản lý” đã được các tác giả sử dụng trong các nghiên cứu theo hướng tiếp cận mới này và được giải thích thông qua quá trình nghiên cứu của họ và điều chỉnh tùy theo tác giả và thời gian.

Thuật ngữ "đồng quản lý" được sử dụng để mô tả sự bố trí, sắp xếp chính thức hoặc không chính thức giữa chính phủ, thành phần tư nhân hoặc tầng lớp dân cư liên quan đến việc quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Đồng quản lý đang nổi lên như một cách tiếp cận quốc gia đầu tiên, các chính phủ và tư nhân, ngành công nghiệp để chia sẻ quyền lực, quyền lợi và trách nhiệm (Bickmore 2002).

Đồng quản lý ở các VQG là tìm kiếm sự hợp tác, trong đó các bên liên quan cùng nhau thoả thuận chia sẻ chức năng quản lý, quyền và nghĩa vụ trên một vùng lãnh thổ hoặc một khu vực tài nguyên dưới tình trạng bảo vệ. Khái niệm này do Borrini - Feyerabend đưa ra năm 1996. Đến năm 2000 tác giả lại đưa ra khái niệm chung “*đồng quản lý như là một dạng hợp tác, trong đó hai hoặc nhiều đối tác xã hội hiệp thương với nhau xác định và thống nhất việc chia sẻ chức năng quản lý, quyền và trách nhiệm về một vùng, một lãnh thổ hoặc nguồn tài nguyên thiên nhiên được xác định*”. Tác giả giải thích thêm đối với mục tiêu về văn hoá, chính trị nhằm tìm kiếm sự “công bằng” trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Tác giả đưa ra thuật ngữ tiếp cận “số đông” trong quản lý tài nguyên, kết hợp giữa nhiều đối tác có vai trò khác nhau nhằm mục tiêu chung là bảo tồn thiên nhiên, phát triển bền vững và chia sẻ công bằng quyền lợi liên quan đến tài nguyên.

Hai tác giả Wild và Mutebi, 1996 [32] giải thích: Đồng quản lý là một quá trình hợp tác giữa các cộng đồng địa phương với các tổ chức nhà nước trong việc sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên hoặc các tài sản khác. Các bên liên quan, nhà nước hay tư nhân, cùng nhau thông qua một hiệp thương xác định sự đóng góp của mỗi đối tác và kết quả là cùng nhau ký một hiệp ước phù hợp mà các đối tác đều chấp nhận được.

Sự chia sẻ việc ra quyết định giữa người sử dụng tài nguyên với các nhà quản lý tài nguyên về chính sách sử dụng các vùng bảo vệ đã được Rao và Geisler, 1990 [28] nhấn mạnh. Ngoài ra họ còn đề xuất các đối tác cần hướng tới mối quan tâm chung bảo tồn thiên nhiên để trở thành “đồng minh tự nguyện”.

Một nhà nghiên cứu Lâm nghiệp người Việt Nam là ông Nguyễn Quốc Dụng, 2004 đã khái quát cụm từ “Đồng quản lý khu bảo tồn thiên nhiên” là quá trình tham gia và hiệp thương của nhiều đối tác có mối quan tâm tới nguồn tài nguyên trong khu bảo tồn, nhằm đạt được một thoả thuận thống nhất về quản lý vừa đáp ứng mục tiêu chung

là bảo tồn thiên nhiên, vừa đáp ứng mục tiêu riêng có thể chấp nhận được phù hợp với từng đối tác.

Dựa vào cơ sở các khái niệm và định nghĩa đã nêu trên và tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam mà tôi có thể đi đến khái niệm chung mang tính chất tương đối về đồng quản lý tài nguyên rừng trong luận văn này như sau: *“Đồng quản lý là việc sắp xếp lại quyền và trách nhiệm giữa các bên tham gia trong quản lý tài nguyên rừng. Hoạt động sắp xếp này liên quan đến việc chuyển từ hình thức đưa ra quyết định từ trên xuống dưới và thiếu sự phối kết hợp giữa người bản địa với việc quản lý nguồn tài nguyên của Nhà nước sang hình thức đưa ra quyết định có sự chia sẻ, hợp tác và thoả thuận của các bên liên quan trong bảo tồn tài nguyên thiên nhiên”*.

Hay *“Đồng quản lý tài nguyên thiên nhiên là một cách tiếp cận đa nguyên để quản lý tài nguyên thiên nhiên bằng cách kết hợp nhiều đối tác với nhiều vai trò, với mục đích cuối cùng là bảo vệ môi trường, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và phân chia đồng đều những quyền lợi và trách nhiệm liên quan đến tài nguyên”*.

1.2. Nghiên cứu đồng quản lý tài nguyên rừng trên thế giới

Đồng quản lý tài nguyên thiên nhiên là bước ngoặt mới về quản lý tài nguyên, đó là một quy trình mang tính chính trị và trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu đưa ra khái niệm này.

Sự thịnh hành của hình thức quản lý này đang tăng lên đáng kể trong 20 năm qua, có thể tìm thấy rất nhiều ví dụ ở các nước đang phát triển nơi mà tình trạng đói nghèo và sự suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dẫn dắt xã hội và quốc gia đó vào việc thực hiện hình thức đồng quản lý.

Quốc gia đầu tiên trên thế giới đặt nền móng cho phương pháp tham gia quản lý tài nguyên rừng và khái niệm “tham gia quản lý rừng nói chung” (Joint Forest Management) lần đầu tiên được biết đến là Ấn Độ vào năm 2004. Đồng quản lý (hay hợp tác quản lý) (Co-management Protected Areas) bảo vệ rừng được tiến hành trong